TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122 /2023/DS-ST
Ngày: 29/6/2023
V/v:"Tranh chấp hợp đồng góp vốn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt

2. Ông Võ Thanh Tân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2023/TLST-DS ngày 05/4/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Phan Quốc S, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số A, đường D, phường B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

Ông Phan Quốc S ủy quyền cho ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp A, xã P, huyện U, tỉnh An Giang.

+ Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ N.

Địa chỉ trụ sở: số C đường D, phường D, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Ngọc T1; chức vụ: Tổng Giám đốc

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành T trình bày:

Công ty Cổ phần Xây dựng TM&DV N (sau đây gọi tắt là Công ty) là đơn vị chủ đầu tư dự án khu dân cư công viên Thoại N thuộc phường H, thành phố O, tỉnh An Giang. Ngày 21/3/2008, Công ty có ký với ông Phan Quốc S, hợp đồng góp vốn đầu tư số 064/HĐ-GVDT/08, nội dung cụ thể: ông Phan Quốc S đồng ý góp vốn đầu tư với số tiền 280.000.000 đồng để công ty xây dựng cơ sở hạ tầng dự án khu dân cư công viên Thoại N. Ngay sau khi dự án khu dân cư công viên Thoại N được xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng, kỹ thuật, Công ty sẽ giao cho Phan Quốc S một nền nhà số 14 - Lô 4, kích thước ngang 5m và dài 20m (vị trí được xác định trên bản vẽ phân lô).

Cũng theo hợp đồng được ký kết, phương thức góp vốn được thỏa thuận và ông Phan Quốc S đã góp đúng, đủ 04/05 đợt với tổng số tiền 252.000.000 đồng, riêng đợt còn lại ông Phan Quốc S sẽ góp cho Công ty khi Công ty giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất theo theo đúng như nội dung hợp đồng được ký kết cho ông Phan Quốc S.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng đến nay, phía Công ty vi phạm hợp đồng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Quốc S.

Vì vậy, ông Phan Quốc S yêu cầu như sau:

1. Tuyên hủy hợp đồng góp vốn đầu tư số 064/HĐ-GVDT/08 ngày 21/3/2008 được ký giữa tôi và Công ty Cổ phần Xây dựng TM&DV N.

2. Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng TM&DV N bồi thường thiệt hại tương ứng mức lãi suất quy định của pháp luật, từ thời điểm hai bên ký hợp đồng góp vốn đến khi xét xử vụ án. Tạm tính đến ngày 19/5/2023 là 15 năm 01 tháng 28 ngày, tương ứng số tiền:

Tiền góp vốn: 252.000.000 đồng;

Tiền bồi thường: 15 năm 01 tháng 28 ngày x 20%/năm x 252.000.000 đồng = 764.120.000 đồng.

Tổng cộng: 1.016.120.000 đồng

Bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng TM&DV N không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bồi thường. Ông T yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên số tiền 252.000.000đ tính từ ngày 01/4/2009 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu là 19,5%/ năm.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào:

- Điều 405, 412; 424, 425, 305; 307 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quốc S, huỷ Hợp đồng góp vốn đầu tư số 064/HĐ-GVDT/08 ngày 21/3/2008 được ký giữa ông Phan Quốc S và Công ty Cổ phần Xây dựng TM&DV N. Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng TM&DV N phải trả tổng số tiền 252.000.000 đồng cho ông S và bồi thường thiệt hại trên số tiền 252.000.000 đồng từ, thời hạn tính từ ngày 01/4/2009 đến ngày xét xử sơ thẩm, như trong thoả trong tại hợp đồng góp vốn đầu tư số 064/HĐ-GVDT/08 ngày 21/3/2008 được ký giữa ông S và Công ty Cổ phần Xây dựng TM&DV N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa ông Phan Quốc S với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ N (gọi tắt là Công ty N) là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Ông Phan Quốc S ủy quyền cho ông Nguyễn Thành T tham gia tố tụng, thủ tục ủy quyền hợp lệ, phù hợp với Điều 85 và Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Tòa án chấp nhận ông T tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[3] Bị đơn là Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án

thành phố Long Xuyên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Ngày 21/3/2008, ông Phan Quốc S và Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ N có ký hợp đồng góp vốn số 064/HĐ – GVDT/08. Theo nội dung hợp đồng thì ông Phan Quốc S đồng ý góp vốn đầu tư với số tiền 280.000.000 đồng để Công ty N xây dựng cơ sở hạ tầng dự án khu dân cư công viên Thoại N. Ngay sau khi dự án khu dân cư công viên Thoại N được xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng, kỹ thuật, Công ty sẽ giao cho Phan Quốc S một nền nhà số 14 - Lô 4, kích thước ngang 5m và dài 20m (vị trí được xác định trên bản vẽ phân lô).

Sau khi hợp đồng được ký kết, ông S đã thực hiện đúng thỏa thuận góp vốn được 04/05 đợt với tổng số tiền 252.000.000 đồng, số tiền còn lại ông Phan Quốc S sẽ góp cho Công ty khi Công ty giao Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất theo theo đúng như nội dung hợp đồng được ký kết với ông Phan Quốc S.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện phía Công ty đã vi phạm hợp đồng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Quốc S nên ông S khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng góp vốn số 064/HĐ – GVDT/08 và yêu cầu Công ty N phải bồi thường số tiền 764.120.000đồng + tiền vốn 252.000.000 đồng, tổng cộng là 1.016.120.000 đồng.

[4.2] Qua xem xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy, hợp đồng góp vốn số 064/HĐ – GVDT/08 ngày 21/3/2008 giữa ông Phan Quốc S với Công ty N được ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Ông S đã thực hiện đúng thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng, góp 04 đợt tiền cho Công ty N tổng cộng là 252.000.000đồng. Tuy nhiên, đến nay Công ty N vẫn không thực hiện giao nền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S là vi phạm thỏa thuận đã giao kết theo Điều 1 và Điều 3 trong hợp đồng nên phải chịu hậu quả theo giao kết trong hợp đồng giữa hai bên, hơn nữa trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án phía bị đơn đã được Tòa án thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt nhưng bị đơn không thể hiện ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập cũng như có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hủy hợp đồng do vi phạm thời hạn thực hiện và trả lại số tiền vốn đã góp là 252.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với qui định pháp luật nên được chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Phan Quốc S đối với Công ty N, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 3 của hợp đồng đã quy định về tiến độ thực hiện dự án là đến 12/2008 sẽ hoàn thiện cơ sở hạ tầng và cuối tháng 3 năm 2009 sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của từng lô đất cho bên B (Phan Quốc S), đã quá thời hạn mà bị đơn không thực hiện như giao kết đã ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn do đó nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại là có căn cứ. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bồi thường theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng Á Châu là 19,5%/năm đối với số tiền vốn là 252.000.000đ, tính từ tháng 04/2009 đến tháng 6/2023 là phù hợp với Điều 8 của hợp đồng cũng như phù hợp với Công văn phúc đáp của Ngân hàng Á Châu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cụ thể, Công ty N phải bồi thường cho ông Phan Quốc S như sau: 252.000.000đ x 14 năm 02 tháng x 13% x 150% = 696.150.000đồng.

Tổng số tiền công ty N phải trả cho ông Phan Quốc S là

252.000.000đ + 696.150.000đồng = 948.150.000đồng.

[5] Về án phí: Công ty N phải chịu 40.444.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Quốc S không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 85; Điều 86; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 405, 412; 424, 425, 305; 307 Bộ Luật dân sự năm 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Phan Quốc S đối với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ N.

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ N có nghĩa vụ trả cho ông Phan Quốc S số tiền 948.150.000đồng (chín trăm bốn mươi tám triệu một trăm năm chục nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/6/2023) Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số

tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ N phải chịu 40.444.500 đồng (bốn mươi triệu bôn trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Phan Quốc S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 21.300.000 (hai mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001563 ngày 05/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đức Anh